

Số: 197/2021/QĐST – HNGĐ

K, ngày 18 tháng 06 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 51/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1985; HKTT: TDP D, thị trấn M, huyện K, Thành phố Hà Nội; Nơi ở: Số 1 ngách 77 ngõ 239 đường M, TDP D, thị trấn M, huyện K, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1979; HKTT: Thôn N, xã M, huyện T, tỉnh Hà Nam; Nơi ở: Số 2 ngách 77 ngõ 239 đường M, TDP D, thị trấn M, huyện K, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 6 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 6 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn N.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về nuôi con: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn N có cháu Nguyễn Hà O, sinh ngày 28/10/2008 và cháu Nguyễn Hà Q, sinh ngày 20/3/2014. Khi ly hôn, hai bên thoả thuận giao 02 con chung Nguyễn Hà O và Nguyễn Hà Q cho chị T nuôi dưỡng, anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000 đồng mỗi con chung kể từ tháng 06/2021 cho đến khi các con chung 18 tuổi hoặc có yêu cầu khác.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.2 *Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng*: chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn N không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

2.3 *Về án phí*: Chị Lê Thị T tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số AA/2010/005791 ngày 04/2/2021, hoàn trả chị T số tiền 150.000 đồng. Anh Nguyễn Văn N phải nộp 150.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã M
(Số ĐKKH 66/2007);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Hồng Quang